



CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LONG AN NĂM 2025

NỘI DUNG TRIỂN KHAI

- I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW;
CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTr/TU**
- II. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH**
- III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025**



**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW
CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTr/TU**



I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW

- Ngay sau khi NQ 57 được ban hành, ngày 03/01/2025 Trung ương đã tổ chức Hội nghị triển khai, quán triệt và học tập Nghị quyết từ TW xuống đến cơ sở. Đồng thời ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết như Quyết định thành lập Ban chỉ đạo TW, ban hành các Chương trình, kế hoạch hoạt động của BCĐ...
- Ngày 09/01/2025, Chính phủ cũng đã ban hành **Nghị quyết 03/NQ-CP** về Chương trình hành động của CP để triển khai thực hiện Nghị quyết 57 (*Đề ra 41 nhóm chỉ tiêu và 7 nhóm nhiệm vụ với 140 nhiệm vụ cụ thể, trong đó nhấn mạnh đến 3 việc rất quan trọng phải thực hiện nhanh, hiệu quả: **Thể chế thông thoáng, hạ tầng thông suốt và nhân lực thông minh***).



I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW

Ngày 19/02/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số **193/2025/QH15** về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia:

- **Điều 10:** Sử dụng ngân sách trung ương để triển khai các nền tảng số dùng chung và chỉ định thầu các dự án chuyển đổi số (trung ương đầu tư nền tảng số quy mô quốc gia để dùng chung, đảm bảo khai thác hiệu quả, tránh lãng phí; Chủ tịch UBND tỉnh được chỉ định thầu các gói thầu trong giai đoạn 2025-2026 thuộc các nhiệm vụ, dự án, thuê dịch vụ CNTT, CDS để triển khai xây dựng một số nội dung như: các nền tảng số, hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Trung tâm giá sát điều hành thông minh; ...)
- **Điều 11:** Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh mạng 5G....



I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW

- Về phía tỉnh, Thông qua HN trực tuyến của TW tỉnh đã kết nối để phổ biến quán triệt NQ 57 đến hơn 15.000 đại biểu tham dự/ 311 điểm cầu;
- Tỉnh ủy cũng đã ban hành Kế hoạch số 203-KH/TU, ngày 24/02/2025 về việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết 57.
- Quyết định số 1796-QĐ/TU, ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo, trong đó, Bí thư Tỉnh ủy là Trưởng Ban.
- Ngày 24/02/2025, Ban TV TU cũng đã ban hành Chương trình số 66-CTr/TU thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và CĐS quốc gia.



**CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU CỦA BAN THƯỜNG
VỤ TỈNH ỦY VỀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

1

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH



Những năm qua, các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh đã quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh ở địa phương.



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH



Công tác chuyển đổi số được các cấp, các ngành quan tâm, tập trung chỉ đạo, triển khai đạt nhiều kết quả tích cực;

Hạ tầng số, Trung tâm dữ liệu của tỉnh được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu;

Trung tâm điều hành thông minh (IOC), Kho cơ sở dữ liệu dùng chung, các nền tảng số được hình thành; các hệ thống ứng dụng dùng chung được đầu tư phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành và kết nối với các hệ thống của Bộ ngành; tăng cường cung cấp DVCTT phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp.



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH



Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2023, 2024 của tỉnh Long An được xếp hạng thứ 12/63 tỉnh, thành



Chỉ số về Chuyển đổi số (DTI) năm 2022 của Long An xếp hạng thứ 11/63 và năm 2023 xếp hạng thứ 17/63 tỉnh, thành



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH



BẤT CẬP, HẠN CHẾ

- Tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh còn chậm;
- Hạ tầng công nghệ số còn hạn chế, chưa được đầu tư đầy đủ, đồng bộ;
- Chuyển đổi số, cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm so với thực tiễn đổi mới;
- Nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số còn thiếu và yếu; kỹ năng số, khả năng ứng dụng công nghệ số của người dân, doanh nghiệp còn chưa cao.



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH



NGUYÊN NHÂN

- Nhận thức của các cấp, các ngành trong tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đầy đủ và sâu sắc;
- Nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng;
- Nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa tương xứng với tiềm năng;
- Người dân còn e ngại tham gia sử dụng các dịch vụ số do chính quyền cung cấp;



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

2



05 QUAN ĐIỂM



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

2. 05 QUAN ĐIỂM



1. ĐỘT PHÁ

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là khâu **đột phá** quan trọng hàng đầu, là động lực chính để đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, đưa tỉnh nhà phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc.



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

2. 05 QUAN ĐIỂM



2. TOÀN DIỆN

Tăng cường sự lãnh đạo **toàn diện** của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, sự tham gia chủ động, tích cực của nhà khoa học, doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực;

Lấy **người dân và doanh nghiệp là trung tâm**, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; **nhà khoa học** là nhân tố then chốt; nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

2. 05 QUAN ĐIỂM



3. TRỌNG TÂM, CỐT LÕI

Chiến lược, cơ chế, chính sách, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ là những nội dung trọng tâm, cốt lõi;

Ban hành các **chính sách đặc thù** của địa phương nhằm tạo đột phá là yêu cầu, điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện, đi trước một bước.

Bảo đảm **nguồn nhân lực trình độ cao** cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; có cơ chế, chính sách thu hút nhân tài.



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

2. 05 QUAN ĐIỂM



4. NGUỒN LỰC VÀ LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ

Ưu tiên **nguồn lực** đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để phát triển nhanh và bền vững;

Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương;

Nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, **làm chủ** và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

2. 05 QUAN ĐIỂM



5. AN NINH MẠNG VÀ AN TOÀN THÔNG TIN

Bảo đảm **an ninh mạng**, an ninh dữ liệu, **an toàn thông tin** của tổ chức và cá nhân là **yêu cầu xuyên suốt**, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

3



Mục tiêu, tầm nhìn



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

3. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN



a) Đến năm 2030

VỊ THẾ CỦA TỈNH

- **Thuộc nhóm** các tỉnh có thu nhập trung bình cao;
- Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp **đạt mức trên trung bình** của cả nước;
- Xếp hạng về đổi mới sáng tạo (PII), chuyển đổi số (DTI) của tỉnh Long An **thuộc nhóm 10 tỉnh, thành dẫn đầu** cả nước;



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

3. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN



a) Đến năm 2030

ĐÓNG GÓP KINH TẾ

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế **đạt mức 55%**.
- Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu **đạt tối thiểu 50%**.



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

3. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN



a) Đến năm 2030

NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

- Tỷ lệ sử dụng DVCTT của người dân và doanh nghiệp **đạt trên 80%**
- Giao dịch không dùng tiền mặt **đạt 80%**
- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt **trên 40%** trong tổng số doanh nghiệp
- Có **tối thiểu 40 doanh nghiệp** khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao
- Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp **tăng 15% hằng năm**



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

3. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN



a) Đến năm 2030

NGUỒN LỰC

- Phần đầu bố trí **ít nhất 3% tổng chi ngân sách** hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển
- Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt **tối thiểu 12 người trên một vạn dân**



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

3. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN



a) Đến năm 2030

HẠ TẦNG

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại
- Từng bước **làm chủ** một số công nghệ chiến lược, công nghệ số
- **100%** người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động **5G toàn tỉnh**
- Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

3. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN



a) Đến năm 2030

CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Hoàn thành xây dựng **Cổng dữ liệu mở** của tỉnh
- Triển khai **mở rộng dịch vụ đô thị thông minh** ở các đô thị phát triển trọng điểm của tỉnh
- Quản lý nhà nước **từ tỉnh đến cấp xã** trên môi trường số
- Hoàn thành việc xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành
- Khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

3. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN



b) Tầm nhìn đến 2045

- Đưa tỉnh trở thành một trong các **trung tâm công nghiệp công nghệ số** trọng điểm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long
- **Thuộc nhóm 5-10 địa phương** dẫn đầu cả nước về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), chỉ số về chuyển đổi số (DTI)
- Phát triển lĩnh vực công nghiệp công nghệ số gắn với thế mạnh của tỉnh, như: công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử và viễn thông, giải pháp công nghệ số cho nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

4



07 nhiệm vụ, giải pháp



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

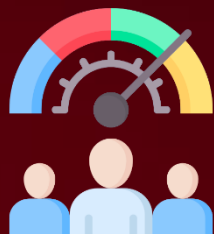
4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

7. Tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết vùng trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

5



Tổ chức, thực hiện



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

- 1.** Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức nghiên cứu, quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình của BTV Tỉnh ủy cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.
- 2.** Đảng ủy HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh chỉ đạo rà soát, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo thẩm quyền; tăng cường giám sát việc thực hiện theo quy định.
- 3.** Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình này. Nghiên cứu, đề xuất việc thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh. Phối hợp Đảng ủy HĐND tỉnh cụ thể hóa các cơ chế, chính sách nêu trong Chương trình này và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện.



CHƯƠNG TRÌNH SỐ 66-CTR/TU

4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh xây dựng kế hoạch hướng dẫn, tuyên truyền, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; hướng dẫn tăng cường tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết và Chương trình.

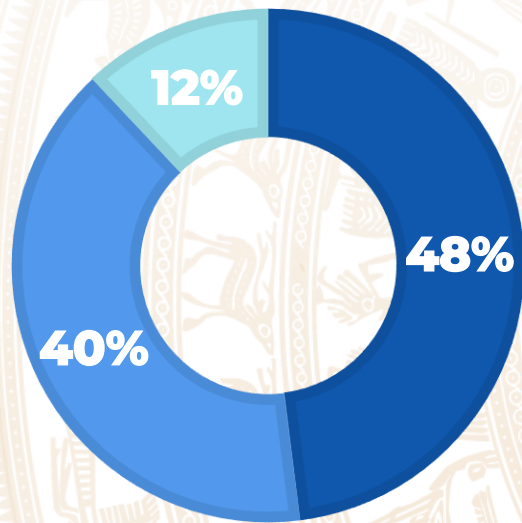


MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH THỜI GIAN QUA

II. KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. VỀ CHÍNH QUYỀN SỐ

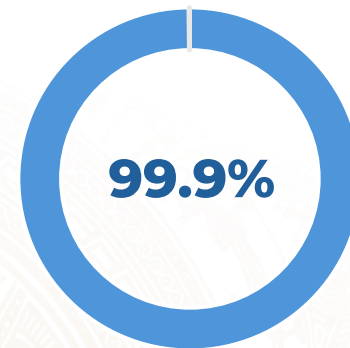
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN



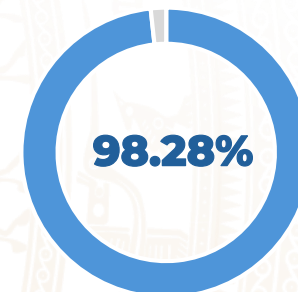
■ TOÀN TRÌNH

■ MỘT PHẦN

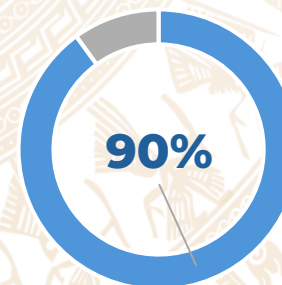
■ KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN



TỶ LỆ HỒ SƠ
ĐÃ GIẢI QUYẾT ĐÚNG HẠN



■ TỶ LỆ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN



TỶ LỆ DỊCH VỤ CÔNG KẾT NỐI
CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

Hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử phục vụ chỉ đạo điều hành



QUẢN LÝ VĂN BẢN VÀ ĐIỀU HÀNH



9.300
tài khoản

100%

Tỷ lệ trao
đổi văn bản
điện tử



CHỮ KÝ SỐ



6.091
chữ ký số

99.9%

Văn bản
điện tử có
ký số



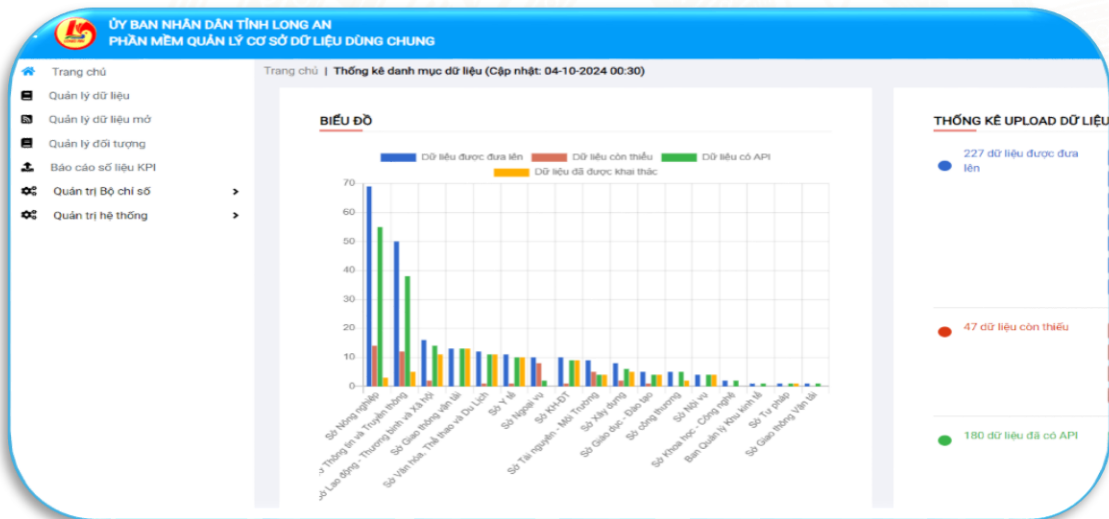
THƯ ĐIỆN TỬ mail.longan.gov.vn



5.193
tài khoản

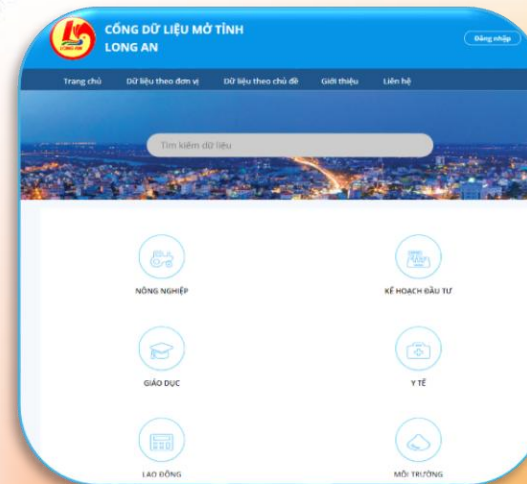
93%

Tỷ lệ sử
dụng thư
điện tử



KHO CƠ SỞ DỮ LIỆU DÙNG CHUNG

229 bộ dữ liệu gồm 105 bộ dữ liệu thuộc tỉnh và 124 bộ dữ liệu địa lý

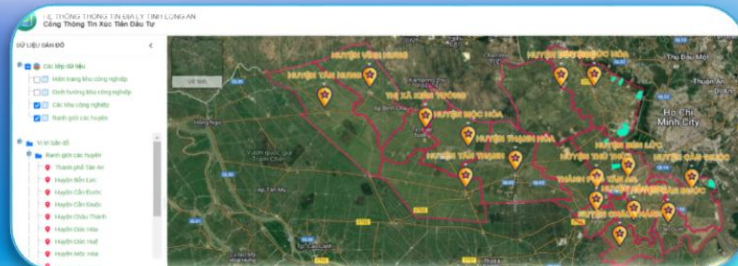


CỔNG DỮ LIỆU MỞ

87/125

dữ liệu mở theo
Danh mục của
tỉnh

TRANG THÔNG TIN BẢN ĐỒ SỐ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ



CỔNG DỮ LIỆU BẢN ĐỒ SỐ



1.335 TÀI KHOẢN

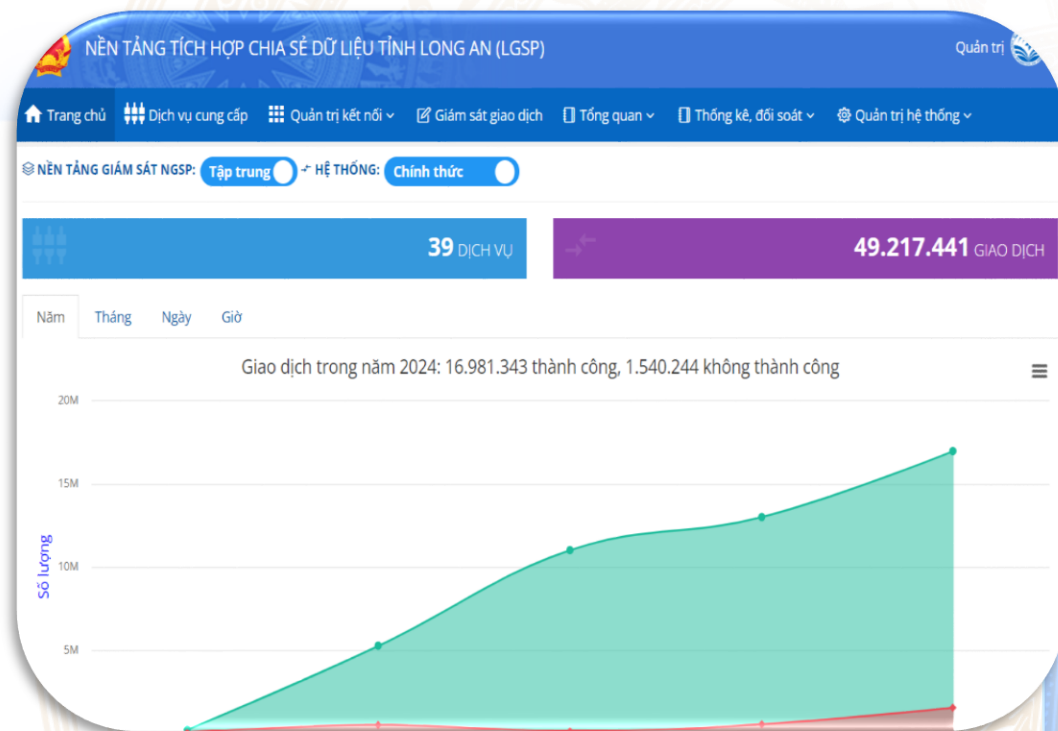


957 CHỈ SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC



850 CHỈ SỐ CẬP NHẬT ĐẦY ĐỦ, KỊP THỜI

ỨNG DỤNG LONG AN IOC
Phục vụ chỉ đạo, điều hành



**NỀN TẢNG TÍCH HỢP
CHIA SẺ DỮ LIỆU (LGSP)**
19/23 dịch vụ dữ liệu của Bộ ngành

2024

29 dịch vụ kết nối dữ liệu
35 triệu giao dịch

2023

24 dịch vụ kết nối dữ liệu
13.552.818 giao dịch

2022

21 dịch vụ kết nối dữ liệu
11.145.647 giao dịch

2021

18 dịch vụ kết nối dữ liệu
5.376.245 giao dịch

2020

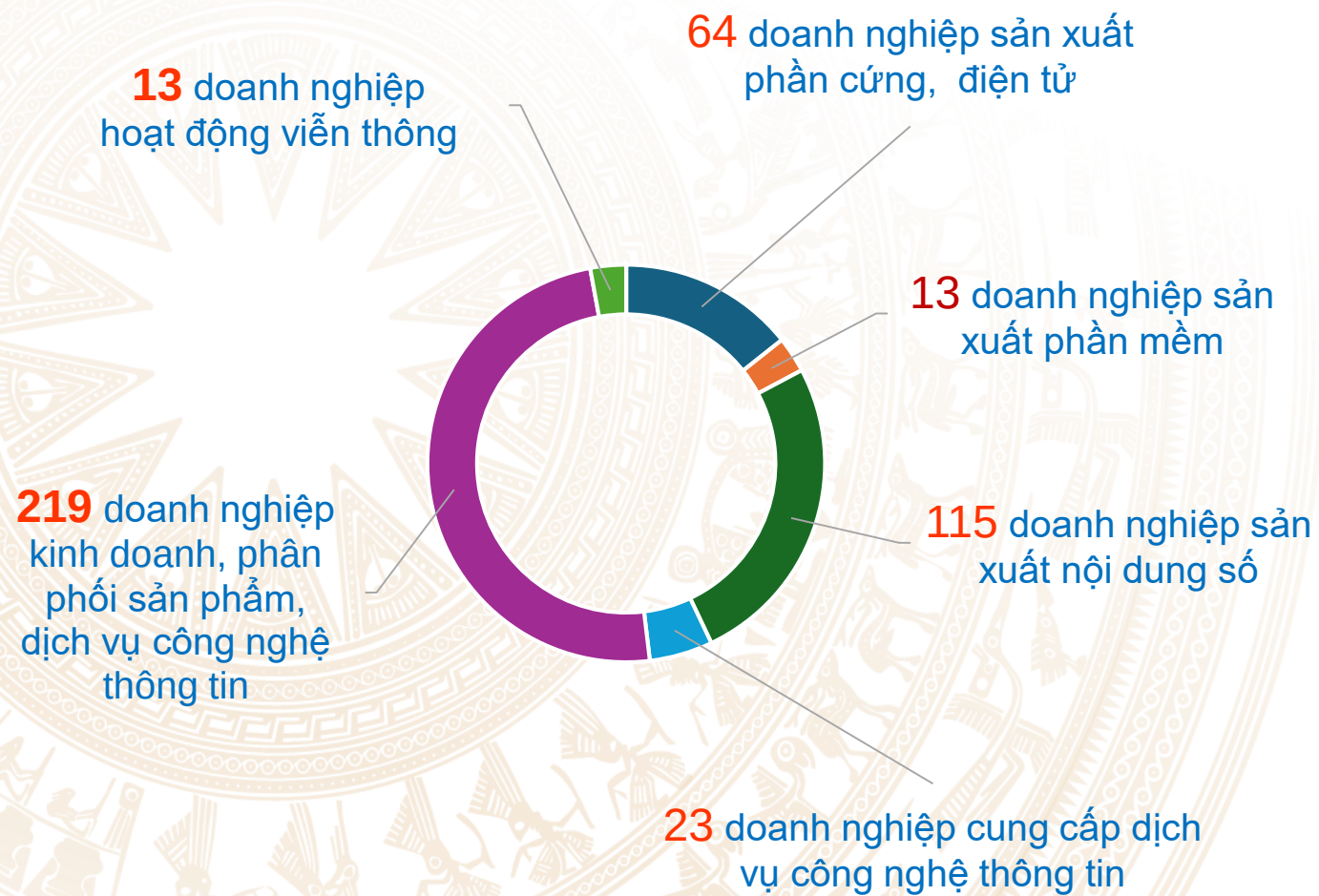
07 dịch vụ kết nối dữ liệu
205.393 giao dịch

II. KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ

2. VỀ KINH TẾ SỐ



447 DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ





Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số
(Kế hoạch số 856/KH-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh)



Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021 - 2025
(Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ)



Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh
(Kế hoạch số 1206/KH-UBND ngày 21/04/2022 của UBND tỉnh)



Phát triển thương mại điện tử
(Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 04/11/2020, Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 29/3/2023, Kế hoạch số 702/KH-UBND ngày 06/3/2024 của UBND tỉnh)



Tổ chức hội nghị, hội thảo giới thiệu các nền tảng, giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp tại các Khu công nghiệp



Chương trình xúc tiến đầu tư, ưu tiên các ngành nghề trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật số, hạ tầng công nghệ thông tin, kinh tế số



Ngành Nông nghiệp duy trì triển khai ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc nông sản



Ngành Công Thương hỗ trợ đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử



Ngành Thuế triển khai hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử



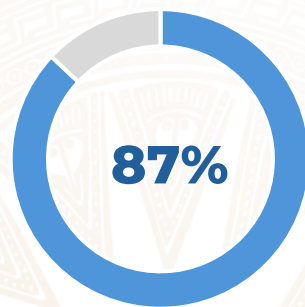
Năm 2024, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP tỉnh Long An đạt **6.36%** (theo Cục Thống kê)

II. KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ

3. VỀ XÃ HỘI SỐ



CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH



TỶ LỆ THUÊ BAO
ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG SỬ DỤNG
ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH

52294

Số máy 2G
được hỗ trợ
chuyển đổi
sang 4G

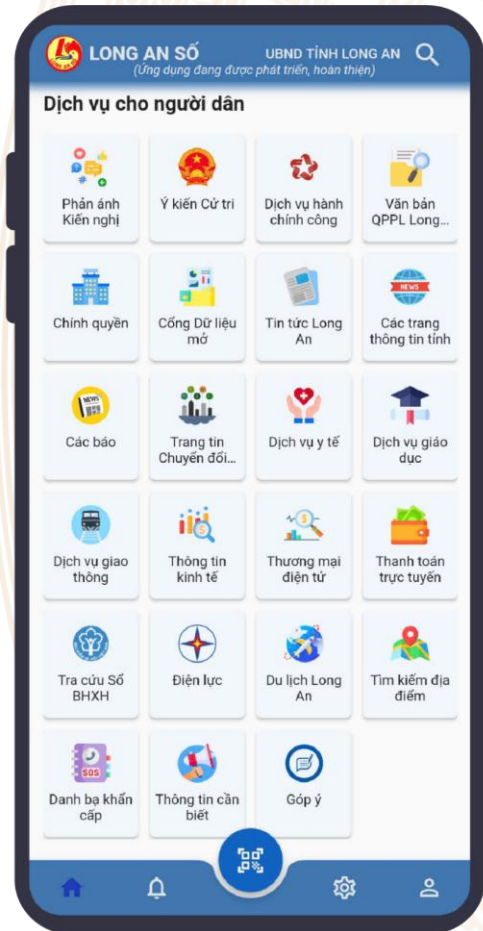
47442

Số thuê bao
2G còn lại,
chưa chuyển
đổi sang 4G



CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THUÊ
BAO SỬ DỤNG THIẾT BỊ 2G
CHUYỂN ĐỔI LÊN THIẾT BỊ
4G

TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH THÔNG MINH



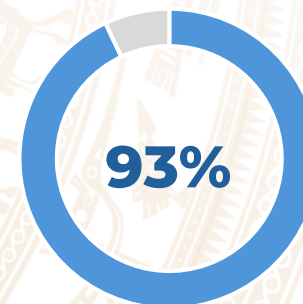
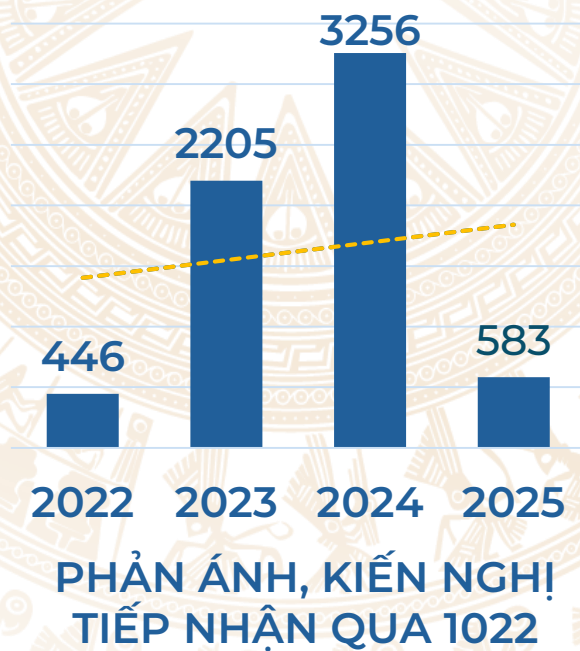
ỨNG DỤNG LONG AN SỐ
Nền tảng Công dân số
tỉnh Long An



445.000 LƯỢT NGƯỜI DÙNG TẢI VỀ

1022
Mọi thông tin - Một kết nối

6.391 PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ



**TỶ LỆ PHẢN ÁNH,
KIẾN NGHỊ XỬ LÝ
ĐÚNG HẠN**

Các dịch vụ số thiết yếu



Khám chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, bằng căn cước công dân gắn chip, ứng dụng VneID



25/25 cơ sở y tế đã triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt



591/591 cơ sở giáo dục triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt



Chi trả không dùng tiền mặt cho người hưởng chính sách an sinh xã hội đạt trên 70%



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NĂM 2025

Các Chương trình, kế hoạch

1. Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Long An 2025 (số **3142/KH-UBND** ngày **25/10/2024**).
2. Đề án “Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực, địa phương phục vụ chuyển đổi số tỉnh Long An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Quyết định **10688/QĐ-UBND** ngày **18/10/2024** của UBND tỉnh).
3. Công văn số **9414/UBND-VHXXH** ngày **16/9/2024** V/v tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, chia sẻ dữ liệu dùng chung, cung cấp dữ liệu mở.
4. Tiến tục thực hiện Công tác chuyển đổi số cấp xã theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại VB **855/UBND-VHXXH** ngày **09/2/2023**.;
5. Kế hoạch thực hiện Chương trình 66-CTr/TU của BTV Tỉnh ủy về phát triển khai thực hiện NQ số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

1. CHÍNH QUYỀN SỐ

- Tỷ lệ cung cấp DVCTT toàn trình đạt **100%** (đối với TTHC có đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình).
- Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến toàn trình đạt **80%** (đối với các DVCTT cung cấp toàn trình).
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt **trên 50%** (đối với DVC có phát sinh giao dịch thanh toán).
- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt **100%**.

1. CHÍNH QUYỀN SỐ

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết TTHC thông qua định danh điện tử **VNeID** đạt **100%**.
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt **100%**.
- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết TTHC đạt **90%**.
- **100%** nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

1. CHÍNH QUYỀN SỐ

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp bộ, tỉnh đạt **90%**; cấp huyện đạt **80%**; cấp xã đạt **60%**.
- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ ATTT của các cơ quan nhà nước đạt **100%**; tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm ATTT theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt **100%**.
- Triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt **100%**.

1. CHÍNH QUYỀN SỐ

- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh mở dữ liệu phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số đạt **100%** (theo danh mục UBND tỉnh ban hành).
- Hoàn thành công tác xây dựng **CSDL quản lý nhà nước tổng thể cấp xã; Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành** cấp tỉnh, huyện, xã trên môi trường số.
- Tỷ lệ sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có **ít nhất 01 cán bộ chuyên trách CNTT** đạt trình độ Cao đẳng công nghệ thông tin trở lên đạt **100%**.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản đạt **100%**.

2. KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

- Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt **10%**.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên **80%**.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên **50%**.
- **80%** cơ sở kinh doanh (có ngành nghề kinh doanh thuộc diện triển khai hợp đồng điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định) trên địa bàn tỉnh Long An phải đăng ký sử dụng hợp đồng điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

2. KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt **trên 50%**.
- **100%** các ấp, khu phố đang lõm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; **100%** số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.
- Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng **được số hóa, hiện diện trên môi trường số** đạt **100%**.
- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh phổ thông đạt **100%**.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ **100%**.

2. KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt **100%**.
- Phát triển ít nhất 03 doanh nghiệp công nghệ số điển hình.
- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt **90%**.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt **92%**.
- Tỷ lệ người dùng điện thoại thông minh được tiếp cận với các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh đạt **50%**.



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !

